

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2022/HC-PT

Ngày 25 – 5 – 2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn;

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 799/2020/TLPT-HC ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2020/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm **số 297/2021/QĐPT-HC ngày 26/3/2021 và số 558/2022/QĐPT-HC ngày 03 tháng 5 năm 2021**; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị Thanh Gi, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 55, đường TH, khóm 7, phường 1, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch UBND tỉnh B; Địa chỉ: số 05 NTT, phường 1, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. NLQ2, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn đề nghị vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 12, đường TP, Phường 3, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

3. NLQ3; Địa chỉ: số 178 đường VTS, phường 8, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn Th - Chức vụ: Trưởng phòng hành chính quản trị, NLQ3, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông NLQ4, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số 55, đường TH, khóm 7, phường 1, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu (chết).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là bà Trần Thị Thanh Gi và người đại diện của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Nguồn gốc đất do trường Trung học sư phạm MH (nay là NLQ3) giao cho ông NLQ4 (chồng bà Trần Thị Thanh Gi) từ năm 1986 để làm nhà ở và canh tác nhằm ổn định cuộc sống. Đến năm 1991, nhà trường có quyết định giao đất chính thức. Trong quá trình sử dụng đất, ông NLQ4 nộp thuế đầy đủ, không vi phạm pháp luật Nhà nước và cũng không ai tranh chấp. Ngày 01/3/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND thu hồi 15.888,90m² trong đó có phần đất của bà Gi 506,3m². Ngày 12/8/2008, Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu ban hành Quyết định 963/QĐ-UBND công bố mức bồi thường hỗ trợ cho bà Gi số tiền 175.096.304đ, hộ bà Gi không đủ điều kiện bố trí nền tái định cư. Trong suốt quá trình nhà nước thu hồi đất không triển khai quyết định thu hồi đất. Sau đó bà Gi khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu, đến ngày 13/4/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu ban hành Quyết định số 121/QĐ-UBND về việc bác đơn khiếu nại của bà Gi, giữ nguyên Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 của Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu.

Ngày 22/12/2009, Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu ban hành Quyết định số 583/QĐ-UBND với nội dung hỗ trợ công tôn tạo cho bà Gi số tiền 38.471.206đ. Bà Gi đã nhận số tiền này nhưng vẫn tiếp tục khiếu nại.

Ngày 03/02/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 213/QĐ-UBND với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của bà Gi và giữ nguyên Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu.

Bà Gi không đồng ý với Quyết định số 213/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B nên khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu được bồi thường giá trị diện tích đất bị thu hồi và 20% giá trị tài sản trên đất chưa được bồi thường.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Ngày 24/8/1982, Ủy ban nhân dân tỉnh MH ban hành Quyết định số 139/QĐ-UB về việc chuyển giao mặt bằng Trường hợp tác hóa nông nghiệp để xây dựng Trường trung học sư phạm của tỉnh, có nội dung: Nay chuyển giao toàn bộ diện tích khu vực Trường hợp tác hóa nông nghiệp tỉnh để xây dựng Trường trung học sư phạm tỉnh MH theo Quyết định số 88/QĐ-UB ngày 09/3/1981 của Ủy ban nhân dân tỉnh MH. Ngày 20/5/1992, Hội đồng đăng ký đất đai Phường 7,

thị xã Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Trung học sư phạm Bạc Liêu số 45/7^D/ĐKĐĐ, diện tích 267.450m².

Ngày 21/5/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định số 24/QĐ về việc hợp thức hóa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường trung học sư phạm Bạc Liêu, tại tờ bản đồ số 17, thửa số 69, đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 7, thị xã Bạc Liêu, với diện tích 20.842,5m².

Ngày 30/3/1991, Trường Trung cấp sư phạm MH ban hành Quyết định số 24/QĐ về việc tạm giao đất làm nhà và sản xuất cho ông NLQ4 tại ô đất số 10, lô số 3, thuộc phần đất tỉnh tạm giao cho trường diện tích 1.612m², việc trường giao đất cho các hộ này không đúng thẩm quyền.

Thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường TH, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thu hồi đất của 11 hộ gia đình, trong đó có ông NLQ4 bị thu hồi 506,3m², thuộc phần đất được tạm giao.

Ngày 12/8/2008, Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu ban hành Quyết định số 963/QĐ-UBND về việc công bố mức tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông NLQ4 với số tiền 175.096.304đ và hỗ trợ thêm công tôn tạo san lấp mặt bằng với giá 80.000đ/m². Tuy nhiên, ông NLQ4 không đồng ý mà có đơn khiếu nại.

Do ông NLQ4 (vợ là bà Trần Thị Thanh Gi) chưa nộp tiền để sử dụng đất nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất được giao không đúng thẩm quyền nên không được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ về tài sản trên đất. Do đó, việc khiếu nại của ông NLQ4 là không có cơ sở xem xét, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 213/QĐ-UBND là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, tỉnh Bạc Liêu trình bày:

Nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân tỉnh MH giao cho trường trung học sư phạm MH quản lý, sử dụng làm trường học. Do sử dụng không hết diện tích đất được giao, nên vào năm 1991 trường tạm giao cho ông NLQ4 phần đất 1.612m² để canh tác và xây dựng nhà ở.

Căn cứ Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 thì đất bà Gi được giao không đúng thẩm quyền.

Căn cứ Điều 6 Nghị Định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 thì bà Gi không đủ điều kiện để được bồi thường về đất.

Do đó, việc NLQ2 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 121/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 213/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3 trình bày:

Việc Hiệu trưởng trường Trung học sư phạm MH ra quyết định cấp đất cho hộ ông NLQ4 là không đúng thẩm quyền, hồ sơ liên quan đến vụ kiện không có lưu trữ tại NLQ3.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2013/HC-ST ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định: Bác yêu cầu của bà Trần Thị Thanh Gi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với yêu cầu bồi thường giá trị đất bị thu hồi. Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/5/2013 ông NLQ4 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 134/2016/HC-PT ngày 11 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bà Gi, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Ngày 11/10/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định kháng nghị giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2020/HC-GĐT ngày 17/2/2020 của Tòa án nhân dân tối cao đã hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 134/2016/HC-PT ngày 11/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2013/HSST ngày 26/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 17/2020/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo 2005; Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 46 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 20 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Điều 24 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh Gi về việc yêu cầu hủy Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Hủy toàn bộ các quyết định: Quyết định giải quyết khiếu nại số 213/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; Quyết định giải quyết khiếu nại số 121/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố BL), tỉnh Bạc Liêu; Quyết định về việc công bố mức tiền bồi thường, hỗ trợ số 963/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 của NLQ1, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Gi có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được bồi thường theo quy định.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 10 năm 2020, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được cấp phúc thẩm xem xét theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Tòa sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện; thẩm quyền giải quyết; thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều Điều 23, 36, 43 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại, tố cáo 2005.

[4] Về nội dung:

[4.1] Diện tích 506,3 m² mà hộ bà Gi bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp đường TH có nguồn gốc là đất Nhà nước giao cho Trường trung học Sư phạm MH từ năm 1992. Đến năm 1991, nhà trường đã giao cho nhiều cán bộ, nhân viên để xây dựng nhà ở và sản xuất; trong đó có hộ ông NLQ4 (ông NLQ4 là chồng bà Gi). Năm 1998, Trường trung học sư phạm Bạc Liêu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 20.842,50 m², không bao gồm diện tích đất ông NLQ4 được giao năm 1991.

Tại Báo cáo số 29 ngày 13/3/2009 của Thanh tra thị xã Bạc Liêu có nội dung “Năm 1991, Trường trung học sư phạm tạm giao cho ông Trần Đình Đồi (chồng bà Gi) diện tích 1.612 m² để canh tác và cất nhà ở, bà Gi sử dụng đến nay không ai tranh chấp”. Tại Biên bản kiểm định khối lượng, chất lượng và tài sản trên đất thuộc phạm vi giải tỏa của Ban giải phóng mặt bằng Ủy ban thị xã Bạc Liêu ngày 24/7/2006 cũng xác định đất bà Gi canh tác và cất nhà ở đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ năm 1991 đến nay. Mặt khác, từ năm 1998 đến khi thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp đường TH thì Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu chưa thực hiện việc quản lý hay bố trí sử dụng đối với diện tích đã tạm giao cho Trường trung học sư phạm Bạc Liêu trong đó có phần đất hộ bà Gi là người trực tiếp quản lý sử dụng khi Trường trung học Sư phạm Bạc Liêu giao cho bà năm 1991.

Như vậy, có cơ sở xác định phần diện tích đất 506,3 m² bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp đường TH do gia đình bà Gi sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ năm 1991 (trước ngày 15/10/1993). Quá trình sử dụng gia đình bà Gi chưa được cấp giấy chứng nhận nhưng hàng năm đều nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước.

[4.2] Tại khoản 1 Điều 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định: “*Đất được giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng người đang sử dụng đất đã nộp tiền để được sử dụng đất mà chưa được cấp Giấy chứng nhận thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất được thực hiện theo quy định sau: 1. Trường hợp sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì người đang sử dụng đất được bồi thường về đất đối với diện tích và loại đất được giao...*”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất “*1. Trường hợp thu hồi đối với đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau: a) Trường hợp đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này thì người đang sử dụng đất được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng nhưng diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật Đất đai tại thời điểm có quyết định thu hồi đất. Đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở và phần diện tích đất vườn, ao trên cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở (nếu có) thì được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư...*”.

[4.3] Đối chiếu với quy định nêu trên, thấy phần diện tích đất 506,3 m² gia đình bà Gi bị thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất và bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi

nhà nước thu hồi đất. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban thu hồi đất của bà Gi mà không bồi thường về đất, chỉ bồi thường 80% giá trị tài sản trên đất là không đúng quy định pháp luật; bà Gi yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu bồi thường thêm 20% giá trị tài sản trên đất và bồi thường 100% giá trị đất là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Gi; tuyên hủy Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và tuyên hủy các quyết định liên quan gồm Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 của NLQ1, tỉnh Bạc Liêu; Quyết định giải quyết khiếu nại số 121/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố BL), tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B phải chịu án phí theo quy định.

[6] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2020/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo 2005; Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Điều 46 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 20 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Điều 24 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh Gi về việc yêu cầu hủy Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Hủy toàn bộ các quyết định: Quyết định giải quyết khiếu nại số 213/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; Quyết định giải quyết khiếu nại số 121/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố BL), tỉnh Bạc Liêu; Quyết định về việc công bố mức tiền bồi thường, hỗ trợ số 963/QĐ-UBND ngày 12/8/2008 của NLQ1, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Gi có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được bồi thường theo quy định. .

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014928 ngày 09/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSNDCC tại TPHCM.
- TAND tỉnh Bạc Liêu.
- VKSND tỉnh Bạc Liêu.
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu.
- Các đương sự (6).
- Lưu HS (02) VP (5) 18b (án ĐV)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn